

# VĂN HOÁ PHƯƠNG TÂY VỚI PHỤ NỮ THÀNH THỊ VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Ths. TRẦN VIỆT NGHĨA

1. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã hoàn thành việc bình định ở Việt Nam và bắt tay vào công cuộc khai thác xứ thuộc địa béo bờ này. Qua hai cuộc khai thác thuộc địa lần I (1897-1914), lần II (1919-1929), nền kinh tế - xã hội nước ta có những chuyển biến rõ rệt, mà một trong những chuyển biến quan trọng nhất chính là sự ra đời của một hệ thống thành thị hiện đại kiểu phương Tây.

Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, người Pháp đã xây dựng một số thành thị hiện đại ở Việt Nam như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Đồng Nai, Sài Gòn, Chợ Lớn... Những thành thị này có nhiều chức năng như quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; được quy hoạch đồng bộ, khoa học với những khu thương mại, khu hành chính, khu công nghiệp, khu dân sinh...

Sự hình thành các thành thị hiện đại kéo theo sự hình thành phát triển của tầng lớp thị dân và lối sống thị dân. Thị dân sống ở thành thị không phụ thuộc vào các lễ thói văn hoá cũ, khi ra đến trốn thị thành họ mất dần đi những ảnh hưởng của văn hoá làng xã, tách dần với nếp suy, nếp nghĩ, nếp cảm của người nông dân. Đó là lý do tại sao thị dân dễ thích nghi với những biến chuyển mới của xã hội. Thị dân đã chấp nhận một lối sống văn hoá mới. Họ chọn cách sinh hoạt của người

phương Tây như mặc đồ Tây, ở nhà Tây, thích đi ô tô, xe điện, chụp ảnh, xem phim, đọc sách báo... Thị dân tìm đến với văn hoá phương Tây để thoả mãn những nhu cầu của mình. Đây là nhu cầu nội sinh, chứ không có sự áp đặt hay cưỡng chế văn hoá. Các phong trào canh tân, cải cách đầu thế kỷ XX đều có xuất xứ từ địa bàn thành thị: phong trào Duy Tân ở Quảng Nam – nơi có thành phố Đà Nẵng, phong trào Minh Tân (tên gọi khác của phong trào Duy Tân) ở Sài Gòn, trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội.

Phong trào Âu hoá diễn ra mạnh mẽ ở thành thị trong thập kỷ 20, 30 của thế kỷ XX đã dẫn tới sự hình thành văn hoá thành thị. Trong khi những tư tưởng mới khó bắt rễ vào các thôn quê do sự níu kéo của văn hoá làng xã, thì lại được tiếp nhận một cách dễ dàng hơn ở thành thị, bởi thành thị là trung tâm đầu não về kinh tế, văn hoá của một vùng, một tỉnh hay cả nước, là nơi tiếp nhận các nguồn thông tin đại chúng, là địa bàn diễn ra các hoạt động kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội mang tính quốc gia và quốc tế. Chỉ có không gian thành thị mới thực sự là mảnh đất tốt để văn hoá phương Tây có thể gieo mầm, khai hoa và kết trái.

Chính những ảnh hưởng của văn hoá phương Tây ở thành thị đã trực tiếp dẫn tới

những biến đổi về đời sống văn hoá của người phụ nữ ở thành thị đầu thế kỷ XX.

2. Sự biến đổi về kinh tế, xã hội, cùng sự du nhập ào ạt các giá trị văn hoá phương Tây vào Việt Nam đầu thế kỷ XX đã làm thay đổi nhận thức cũng như đời sống của nhân dân. Đó cũng là bước ngoặt quan trọng đối với đời sống của phụ nữ Việt Nam, nhất là những phụ nữ ở thành thị.

Đối với bất kỳ sự thay đổi nào của con người, sự thay đổi về nhận thức luôn giữ một vai trò quan trọng. Nó là đầu tầu kéo theo tất cả những sự thay đổi khác. Văn hoá phương Tây đã có ảnh hưởng lớn đến nhận thức của người phụ nữ mà đầu tiên là những phụ nữ thành thị. Ban đầu họ đón nhận nó một cách rụt rè, sau đó họ chấp nhận một cách tự nguyện, đầy hứng khởi.

Ở phương Tây, người ta coi trọng quyền tự do cá nhân, cái tôi của mỗi thành viên trong xã hội. Phụ nữ phương Tây ý thức được giá trị cá nhân của mình, được pháp luật bảo vệ, có quyền bình đẳng như nam giới, có tiếng nói và vị thế riêng... Vì vậy, khi tiếp xúc với văn hoá phương Tây, phụ nữ thành thị Việt Nam đã nhận thấy sự khác biệt về vị thế của người phụ nữ trong xã hội giữa Đông và Tây. Trong khi phụ nữ phương Tây được hít thở không khí tự do, bình đẳng, thì phụ nữ Việt Nam lại bị trói chặt trong các luân lý đạo đức xã hội chứa đựng đầy những bất công đối với họ. Nhận thức được sự khác biệt đó, phụ nữ thành thị đã đi tiên phong trong quá trình đòi tự do, dân chủ và bình đẳng. Vấn đề “Nữ quyền” đã trở thành vấn đề được nhiều người quan tâm và cổ vũ. Khát vọng

được tự do, bình đẳng trong xã hội là cái đích cho người phụ nữ hướng tới.

Người phụ nữ đã ý thức được vị thế của mình: “*Sự đắp nên cơ sở mới là ở tại cái mắt phụng, môi son, dấu yếu như cỏ bèo, cây liễu mà xem ra quyền lực cũng to thấy*”<sup>1</sup>.

Phụ nữ thành thị cũng thấy được trách nhiệm của mình trước vận mệnh đất nước. Họ muốn góp phần xây dựng đất nước, đưa đất nước phồn thịnh, tranh đua với các nước trên thế giới: “*Ôi chị em ta mắt phụng mày ngài, lưng ong, má phấn, cái đẹp kia biết mấy muôn vàn, trách nhiệm của bọn ta trong buổi giao thời này cũng không phải không to, cái hy vọng của bọn ta ở thời kỳ quá độ này không là không lớn..., cũng mặc, cũng son, cũng ăn, cũng học, cũng tư tưởng, cũng văn chương, cũng cùng các bạn nam thi tranh danh, tranh diện, há lại chẳng biết tô điểm sao cho nước Nam này mai theo kịp nước Lang Sa, bước chân trên chốn võ đài mà hùng thị với năm châu thế giới ư?*”<sup>2</sup>

Đầu thế kỷ XX, khi báo chí khá phát triển ở Việt Nam, phụ nữ thành thị đã nhanh chóng sử dụng báo chí làm cơ quan ngôn luận và vũ khí đấu tranh đòi tự do, bình đẳng tiến bộ cho giới mình. “*Nữ giới chung*” (1918) và “*Phụ nữ Tân Văn*” (1929) là hai tờ báo tiêu biểu nhất đại diện cho tiếng nói riêng của giới nữ, được đông đảo chị em đồng tình, ủng hộ. Tờ “*Nữ giới chung*” ra đời

<sup>1</sup> Nguyễn Song Kim, *Nữ sinh, Nữ giới chung*, ngày 11/2/1918.

<sup>2</sup> Trương Nguyệt Ánh, *Xã thuyết, Nữ giới chung*, ngày 9/1/1918.

với bốn mục tiêu lớn: 1. *Vun trồng gốc luân lý*; 2. *Trao đổi lễ bất thường*; 3. *Gây dựng cuộc thông thương*; 4. *Liên lạc mối cảm tình*<sup>3</sup>

Trên trang đầu bất cứ số báo nào của tờ *Phụ nữ Tân văn* đều có câu:

*Phấn son tô điểm son hà*

*Làm cho rạng mặt đàn bà nước Nam.*

Như vậy, phụ nữ ở thành thị đã có sự biến chuyển vượt bậc trong nhận thức. Họ nhận thức được giá trị bản thân - *cái tôi* của họ từ trước đó đã bị vùi lấp. Họ biết đấu tranh chống lại những tập tục lạc hậu, những luân lý Nho giáo lỗi thời bấy lâu nay trói buộc họ. Họ đã mạnh dạn lên tiếng đòi các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng cho giới mình. Thắng lợi về nhận thức đã góp phần quan trọng đưa đến sự thay đổi về các mặt đời sống văn hoá, xã hội của phụ nữ thành thị ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

3. Những thay đổi về đời sống văn hoá của phụ nữ thành thị rất lớn và diễn ra trên nhiều mặt

**Về giáo dục:** Đến đầu thế kỷ XX, lần đầu tiên trong lịch sử giáo dục Việt Nam, con gái được đi học một cách chính thống. Đa phần nữ sinh thuộc giới "*thượng lưu*" ở thành thị mới có điều kiện đi học. Các trường học dành riêng cho giới nữ như trường: *Nữ học Hà Nội*, *Nữ học Đồng Khánh* ở Huế, *Nữ học Trưng Vương* ở Sài Gòn.

Nữ sinh đến trường cũng được học các môn học như nam sinh. Họ có cơ hội mở

mang trí óc, nâng cao tầm hiểu biết, được thi thố tài năng, chứng tỏ mình không hề thua kém nam giới. Nền giáo dục phương Tây đã đưa giới nữ đến tri thức, do đó họ có thể nhận thức tốt hơn về các vấn đề văn hoá, xã hội. Họ thấy cần phải đi học. Tuy nhiên, so với nam giới thì tỷ lệ nữ giới được đến trường còn thấp, những trường dành cho nữ giới còn quá ít nên chưa đáp ứng nhu cầu được học tập của họ.

**Trong hôn nhân-gia đình:** Trong gia đình cũ, cha mẹ luôn áp đặt, thể hiện quyền lực đối với con cái: "*Hôn nhân là việc chung của cả gia tộc, không phải việc riêng của con cái, là quyền của cha mẹ, con chỉ phụng mệnh*"<sup>4</sup>. Đến đầu thế kỷ XX, người phụ nữ đã nhận thức được những quyền lợi đáng được hưởng của mình, vì vậy họ mạnh dạn lên tiếng đòi tự do, bình đẳng trong hôn nhân. Tư tưởng tự do hôn nhân được đề cao. Họ có quyền được lựa chọn người bạn đời cho mình. Luật pháp cũng như trào lưu vì sự tiến bộ của phụ nữ đang đứng về phía họ, cho phép họ được "*tự do kết hôn, tự do ly hôn, tự do cải giá, tự do tục huyền*"<sup>5</sup>.

Văn học và báo chí đầu thế kỷ XX là những diễn đàn sôi động bàn về những vấn đề gây tranh cãi quyết liệt trong hôn nhân và gia đình giữa những tư tưởng cũ và mới, bảo thủ và cấp tiến.

Vũ Trọng Phụng, ông vua phóng sự đất

<sup>4</sup> Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*.... đd, trang 128.

<sup>5</sup> Vũ Trọng Phụng, *Toàn tập Vũ Trọng Phụng*, NXB. Hải Phòng, tr. 102

<sup>3</sup> *Mục tiêu báo Nữ giới chung*. *Nữ giới chung*, ngày 1/3/1918

Bác Kỳ, đã đưa ra một loạt những nhân vật nữ điển hình cho lối sống *Tân thời* như cô Tuyết, người dám chấp nhận mang tiếng hư hỏng để khỏi phải lấy một người mà cô không yêu; là bà Phó Đoan đã qua hai đời chồng mà vẫn muốn có tình nhân trong truyện ngắn *Số đỏ*; lối sống “*nổi loạn*” của Huyền trong truyện ngắn *Làm dĩ* hay sự “*thác loạn*” của Mịch trong truyện ngắn *Giông tố*. Trong tập truyện “*Sài Gòn tạp pín lù*” của Vương Hồng Sển có những nhân vật như Vân Anh, Ba Trà... Ba Trà có nhiều chồng, cả chồng Tây và chồng ta, có nhiều người tình, có lối sống tự do, phóng túng, buông thả trong quan hệ nam nữ. Ở Hà Nội có cô Tư Hồng vừa có tài kinh doanh buôn bán, vừa tự do, phóng túng trong hôn nhân (đã từng lấy cha cố người Tây)...

Người phụ nữ đã quyết tâm khẳng định mình trong tình yêu và hôn nhân. Phan Khôi trong bài viết “*Luận về phụ nữ tự sát*”<sup>6</sup> đã chỉ ra nguyên nhân căn bản dẫn đến việc phụ nữ phải tự sát là do ép duyên trong hôn nhân. Họ sẵn sàng lấy cái chết để bảo vệ tình yêu của mình. Cái chết của Tố Tâm trong tiểu thuyết “*Tố Tâm*” của Hoàng Ngọc Phách, của Huệ Chi trong tác phẩm “*Cửa biển*” của Nguyễn Hồng là những ngòi nổ thức tỉnh chị em. Nhu cầu giải phóng phụ nữ trở nên phổ biến và tất yếu, mà nổi bật nhất là những phụ nữ ở thành thị.

Đối với đồng bào theo Thiên Chúa giáo, do được tiếp nhận văn hoá phương Tây sớm

nhất nên trong vấn đề hôn nhân - gia đình có tiến bộ. Hôn nhân phải dựa trên sự đồng ý, tự nguyện của hai người với nhau. Luật một vợ, một chồng cũng được thực hiện nghiêm túc.

Trong khi ở nông thôn, nạn tảo hôn và đa thê rất phổ biến, thì ở thành thị nạn tảo hôn và đa thê đã giảm đáng kể do nhận thức của người dân đã có nhiều tiến bộ. Hôn nhân được coi như là một sự kiện trọng đại của đời người, nhưng cách tổ chức của thành thị khác xa so với nông thôn. “*Gia đình văn minh*” ở thành thị làm lễ hôn nhân theo lối sống Tây, không nộp cheo cho làng như xưa mà nhờ quan Thị trưởng (Đốc lý) làm chứng<sup>7</sup>.

Như vậy, trước những thay đổi của xã hội, khát vọng tự do, bình đẳng trong hôn nhân của người phụ nữ thành thị từng bước được thực hiện. Khát vọng đời ấy ngày càng mạnh mẽ, cháy bỏng, thiêu rụi những định kiến cổ hủ ràng buộc họ.

**Trong công việc:** Trước đây, chỗ dựa kinh tế chủ yếu của gia đình được đặt lên vai người phụ nữ: “*Quanh năm buôn bán ở mom sông, Nuôi dạy năm con với một chồng*”<sup>8</sup>; “*Mất cha con ăn cơm với cá, Mất mẹ con liếm lá dọc đường*”<sup>9</sup>; “*Vai trò quan trọng của người phụ nữ Việt Nam trong gia đình, dù trong tầng lớp nào, đã khiến họ có quyền lực đáng kể trong gia đình. Tiền mà họ kiếm được không chỉ là một phần lớn của thu nhập*

<sup>7</sup> Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*,...đd, tr. 303.

<sup>8</sup> Bài thơ “*Thương vợ*” của nhà thơ Tú Xương.

<sup>9</sup> Tục ngữ Việt Nam.

<sup>6</sup> Phan Khôi, *Luận về phụ nữ tự sát, Phụ nữ Tân văn*, số 22, ngày 26/9/1929.

gia đình, mà đôi khi còn là nguồn thu nhập duy nhất. Đối với người chồng, đặc biệt là người nghèo, mất vợ là một sự đe dọa cho kinh tế gia đình”<sup>10</sup>. Nhưng đến thời kỳ này, người đàn ông đã phải chia sẻ nhiều hơn với người phụ nữ trong công việc để đảm bảo đời sống gia đình. Người chồng phải có trách nhiệm xây dựng, chăm lo cho gia đình cùng người vợ. Mô hình: Chồng đọc sách, dùi mài kinh sử; Vợ xe tơ, quay sợi, dệt vải không còn là hình ảnh điển hình nữa, nó đã lỗi thời. Giờ đây người phụ nữ không chỉ ở nhà phục vụ chồng con mà họ có thể tham gia vào công việc xã hội như nam giới. Họ là công nhân ở các nhà máy, xí nghiệp, làm viên chức, công chức trong bộ máy hành chính, tham gia các hoạt động buôn bán, kinh doanh... Cơ hội thăng tiến trong công việc cũng ngày càng rộng mở hơn cho giới nữ.

**Trong giao tiếp xã hội:** Trong xã hội mới, phụ nữ thành thị đã phần nào được giải phóng. Một số phụ nữ đã mạnh dạn tiếp nhận, áp dụng văn hoá giao tiếp phương Tây vào ứng xử xã hội của mình. Quan niệm “*Nam nữ thụ thụ bất thân*” bị phê phán, thay vào đó là sự tự do, thoải mái, cởi mở trong giao tiếp của phụ nữ thành thị. Trai gái tự do giao thiệp với nhau, thậm chí còn ôm hôn nhau khi gặp mặt, nhảy đầm trong buổi dạ hội, tiệc tùng như người Tây. Cách thức giao tiếp như thế được coi là dấu hiệu của văn minh, tiến bộ, và Âu hoá.

Trước đây người con gái thuộc tầng lớp quý tộc thường sống trong cảnh “*Êm đềm trướng rủ màn che, Tường đông ong bướm đi về mặc ai*”<sup>11</sup>, không được tiếp xúc nhiều với xã hội bên ngoài, nhất là đối với nam giới, còn những cô gái bình dân ít bị hạn chế, gò bó hơn. Đến thời kỳ này, các cô gái có thể hò hẹn, sánh đôi với bạn trai trên đường phố, hay đến các nhà hàng, các tụ điểm vui chơi dành riêng cho các cặp tình nhân.

Một nét rất mới nữa là phụ nữ thành thị tỏ ra hăng hái trong công việc luyện tập thể dục, thể thao như chơi quần vợt, bơi, đua xe đạp, đua ngựa... Không chỉ thế, phụ nữ còn tham gia vào các hoạt động văn hoá khác như “*đi xem chiếu bóng, dự chợ phiên, nhảy đầm, chụp ảnh, rửa phim, đến hiệu may, nghe đàn ca, họp mặt trong tao đàn*...”<sup>12</sup>. Nhiều cô gái tham gia thi người đẹp để có cơ hội tôn vinh vẻ đẹp của mình trước công chúng. Thậm chí có cô còn bạo dạn làm mẫu khoả thân cho nam nghệ sĩ sáng tác các tác phẩm nghệ thuật. Sự thoát y của họ không chỉ đơn thuần là phô trương vẻ đẹp thuần túy, mà nó như một sự lột xác về văn hoá, một sự chấp nhận và thể nghiệm cái mới mang tính đối nghịch với truyền thống.

**Về trang phục:** Đầu thế kỷ XX, những phụ nữ có lối sống Âu hoá được gọi là *tân nữ lưu* hay *gái mới* để phân biệt với những người theo truyền thống. Sự khác biệt dễ nhận thấy nhất là trang phục.

<sup>10</sup> Insun Yu, *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII – XVIII*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 120, 121.

<sup>11</sup> Truyện Kiều của Nguyễn Du.

<sup>12</sup> Vũ Trọng Phụng, *Toàn tập Vũ Trọng Phụng...đd*, 2007.

Phụ nữ tân thời không thấy mấy bận mà với những trang phục truyền thống như áo nâu sồng, quần nái đen, khăn mỏ quạ, áo tứ thân, hay yếm đào nữa. Giới thượng lưu thích những trang phục châu Âu mẫu mã đẹp, luôn đổi mới như váy đầm, váy dạ hội, quần Âu... Nhiều người mặc cả trang phục thể thao hay áo tắm để khoe vẻ đẹp hình thể. Tà áo dài duyên dáng ngày nay cũng ra đời trong thời kì này<sup>13</sup>.

Màu sắc trong trang phục của phụ nữ cũng thay đổi. Họ không ưa những màu nâu, thâm hay đen truyền thống nữa, mà họ thích dùng những màu sắc sáng, tươi tắn, sặc sỡ... là những màu sắc được phụ nữ phương Tây ưa chuộng. Xưa màu trắng được người Trung Hoa và Việt Nam mặc trong đám tang, thì nay màu trắng được sử dụng một cách rộng rãi. Các cô gái thường may những chiếc áo cánh màu trắng, chất liệu mỏng, mềm, nhẹ. Nữ sinh mặc đồng phục áo dài trắng. Thậm chí, phụ nữ còn mạnh dạn đưa màu trắng vào cả trang phục cưới của mình, để thấy mình đẹp và sang trọng hơn trong ngày cưới<sup>14</sup>.

Phụ nữ quan tâm đến vẻ đẹp của mình hơn, tự tin hơn khi làm đẹp cho mình. Họ đến các cửa hàng thời trang để mua sắm những mốt thịnh hành. Cách đánh giá vẻ đẹp của người phụ nữ cũng thay đổi. Trước đây, các thiếu nữ Việt Nam chừng 16, 17 tuổi đều nhuộm răng đen hạt na (*Những cô hàng xóm*

*răng đen, Cười như mùa thu toả nắng*)<sup>15</sup>, người nào để răng trắng bị thiên hạ chê cười "*răng đen là một yếu tố của nhan sắc đàn bà con gái*"<sup>16</sup>. Từ khi văn minh phương Tây tràn vào, người ta lại cho rằng "*răng trắng là một yếu tố của sắc đẹp và là một biểu hiện của văn minh*"<sup>17</sup>.

Trang phục phương Tây đã làm cho phụ nữ thành thị trở nên đẹp hơn, tự tin và quyến rũ hơn. Đã qua rồi cái thời việc ăn mặc và làm đẹp của phụ nữ bị gò bó, khống chế, thậm chí cưỡng bách một cách vô lý: "*Chiếu vua Minh Mệnh ban ra, Cấm quần không đậy người ta hãi hùng*". Giờ đây người phụ nữ thoải sức, tự do trong cách ăn mặc và làm đẹp cho mình.

4. Văn hoá phương Tây có nhiều mặt tích cực, song cũng có những mặt trái của nó. Ở xã hội mới này, sức mạnh của đồng tiền quá lớn. Vì tiền mà người ta sẵn sàng chà đạp lên những phẩm chất đạo đức, đạo lý, và nhân phẩm con người, ảnh hưởng tiêu cực đến các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của Việt Nam. Nếu không biết chọn lọc và tiếp thu, hậu quả là người phụ nữ phải hứng chịu nhiều đau khổ nhất. Nhiều người bị biến thành gái điếm đem lại nguồn thu lớn cho các Tú ông, Tú bà. Thân xác người phụ nữ trở thành thứ đồ chơi để thoả mãn thú vui dâm dật của nhóm người nhiều tiền, lắm của, háo sắc, thoả mãn một lối sống ích kỷ, méo

<sup>13</sup> Áo dài lúc đó được gọi là áo tân thời.

<sup>14</sup> Do ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa nên cô dâu người Việt xưa thường mặc áo cưới màu đỏ

<sup>15</sup> Bài thơ *Bên kia sông Duống* của nhà thơ Hoàng Cầm.

<sup>16</sup> Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*...Đd, tr. 209.

<sup>17</sup> Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*...Đd,

mó, sống nhanh, sống vội, sống hưởng lạc.

Trong giới thượng lưu thành thị, do chịu ảnh hưởng của lối sống buông thả, phóng túng thái quá trong hôn nhân, gia đình của phương Tây nên đã có không ít trường hợp cha không ra cha, con không ra con, vợ ngoại tình, chồng ngoại tình...

Chính lối sống đầy cam bẫy ở thành thị ấy đã đẩy Huyền, từ một cô gái hiền lành, nết na, giỏi giang trở thành một gái điếm (xem tiểu thuyết *Làm đi*). Mịch, một thôn nữ xinh đẹp, bị lừa gạt, để rồi sống trong sự thác loạn (xem *Giông tố*). Tám Bính, một cô gái chân chất, đẹp người, bị đẩy vào lầu xanh rồi trở thành trộm cắp (xem *Bỉ vỏ*). Huyền, Mịch, Tám Bính chỉ là đại diện cho lớp phụ nữ thành thị bị tha hoá, biến chất, bị vùi dập xuống bùn đen từ chính ánh sáng văn minh phương Tây.

5. Đầu thế kỷ XX ở Việt Nam đã hình thành một đội ngũ trí thức Tây học đông đảo. Họ là những người trực tiếp tiếp xúc với văn hoá phương Tây, chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây, nên đa phần trong số họ có tư tưởng tiến bộ. Hơn ai hết, giới trí thức hiểu rất rõ vai trò quan trọng của người phụ nữ trong mọi mặt của cuộc sống và những bất công mà họ phải gánh chịu. Từ các lãnh tụ cho các đến nhà văn, nhà báo đều có những bài viết, những câu chuyện về người phụ nữ: “*Tất cả các báo chí muốn đập cửa bùng the cho người đàn bà ra đường*”<sup>18</sup>. Ở đâu người ta cũng kêu gọi nữ quyền, ở đâu người ta cũng kêu gọi giải phóng phụ nữ.

Phan Bội Châu (1867-1940), một sĩ phu yêu nước tiến bộ, là linh hồn của phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX, đã có những tư tưởng tiến bộ về vai trò của phụ nữ trong xã hội. Trong các tác phẩm *Tràng giang kinh sử, Hải ngoại huyết thư, Trùng Quang tâm sử, Việt Nam quốc sử khảo...* ông viết về cô Liên, cô Chí, hay các nữ anh hùng dân tộc như Trưng Trắc, Trưng Nhị, Ấu Triệu, Bùi Thị Xuân... với lòng cảm phục sâu sắc. Ông cho rằng, muốn giải phóng phụ nữ trước hết phải giải phóng dân tộc, nhấn mạnh vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, phụ nữ cần phải được bình đẳng như nam giới. Theo Phan Bội Châu, muốn vận động phụ nữ cần phải: “*1. Mở mang về đường trí thức cho người phụ nữ; 2. Liên kết đoàn thể của người phụ nữ; 3. Chấn hưng chức nghiệp của người phụ nữ; 4. Nâng cao địa vị của người phụ nữ*”<sup>19</sup>. Những nhận thức của Phan Bội Châu về người phụ nữ là một tiến bộ vượt bậc so với trí thức đương thời.

Các nhà báo tiến bộ là những người có công rất lớn cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phan Khôi, Nguyễn Văn Bá, Cao Văn Chánh, Trịnh Đình Rư,... những người đã cho rằng: “*quyền bình đẳng nam nữ là một tư tưởng tiến bộ*”<sup>20</sup>, hay “*Đối với vấn đề phụ nữ chỉ còn chuyện giải phóng, giải phóng ở phong tục, giải phóng ở gia đình, giải phóng ở xã*

<sup>19</sup> Dẫn theo Đặng Thị Vân Chi, *Phan Bội Châu với vấn đề phụ nữ đầu thế kỷ XX*, Phan Bội Châu, con người và sự nghiệp (Kỷ yếu hội thảo khoa học), Nhà in Khoa học Công nghệ, Hà Nội, 1998, tr. 315.

<sup>20</sup> Phụ nữ Tân văn, số 2, ngày 16.5.1920

<sup>18</sup> Vũ Trọng Phụng, *Toàn tập Vũ Trọng Phụng...đd.*, tr. 291.

hội và hoàn toàn giải phóng”<sup>21</sup>.

Các nhà văn cũng lên tiếng phê phán, đả kích những thói hư tật xấu nảy sinh trong xã hội Âu hoá. Họ phác họa lên một xã hội đầy những đau khổ và tha hoá của con người bằng những lời văn châm biếm, mỉa mai. Tiêu biểu nhất cho phái này phải kể đến nhà văn, nhà báo Vũ Trọng Phụng, người có hàng loạt phóng sự và tiểu thuyết như *Kỹ nghệ lấy Tây, Số đỏ, Làm đĩ, Giông tố, Lục xì...* Bên cạnh đó, có những nhà văn đã lên tiếng bênh vực, thương cảm cho số phận những phụ nữ bị đày đoạ, khổ sở, tiêu biểu là Nguyễn Hồng, người được coi là nhà văn của phụ nữ và trẻ em, đã tỏ rõ tình cảm ấy qua các tác phẩm như *Cửa biển, những ngày thơ ấu, Di Hảo, Mợ Du, Bỉ vỏ...*

Phong trào *Nghĩa thực* thực chất là một cuộc vận động công khai để tuyên truyền lòng yêu nước cũng đã đề cao vai trò của phụ nữ qua việc kêu gọi họ đoàn kết, góp sức xây dựng xã hội tiến bộ.

“*Người giúp của, kẻ giúp công  
Làm cho rõ mặt nữ trung anh hào*”<sup>22</sup>.

Nhìn chung, vào đầu thế kỷ XX, chính sách khai thác thuộc địa của đế quốc Pháp đã làm nảy sinh những điều kiện mới về kinh tế, xã hội cho sự du nhập và phát triển của văn hoá phương Tây ở Việt Nam. Văn hoá phương Tây có ảnh hưởng sâu

rộng tới mọi mặt đời sống văn hoá, xã hội, đặc biệt đối với những phụ nữ sống ở thành thị Việt Nam. Văn hoá phương Tây đã làm thay đổi những nếp suy, nếp nghĩ, nếp cảm của người phụ nữ. Lần đầu tiên trong lịch sử, họ đã mạnh dạn đứng lên đấu tranh chống lại những tập tục xã hội cũ để đòi các quyền tự do, bình đẳng, dân chủ, để khẳng định *cái tôi* của chính mình, tự coi trời cho mình. Cuộc sống mới đã đem lại cho họ nhiều cơ hội thăng tiến hơn, bình đẳng hơn trong tình yêu, hôn nhân, gia đình và xã hội. Bình đẳng về giới, mang lại quyền lợi và sự tiến bộ cho phụ nữ chính là cái thân nhận được và là một trong những mặt tích cực nhất trong quá trình tiếp xúc, hội nhập với văn hoá phương Tây đầu thế kỷ XX. Một bộ phận trí thức tiến bộ (nam giới) đã đồng tình, ủng hộ tích cực cho phong trào đấu tranh vì sự tiến bộ của người phụ nữ. Tuy nhiên, khi tiếp xúc với văn hoá phương Tây đã không chỉ nảy sinh những mặt tiêu cực trong lối sống, mà còn trong cả cách nghĩ của một bộ phận phụ nữ thành thị. Một mặt, họ tỏ rõ sự mặc cảm, tự ti về văn hoá truyền thống, muốn từ bỏ các giá trị văn hoá truyền thống. Mặt khác, họ đề cao, sùng bái văn hoá phương Tây một cách thái quá, muốn được Âu hoá hoàn toàn, điều này dẫn đến sự lai căng, vong bản. Hiện tượng tiêu cực này đáng bị phê phán và thiết nghĩ đây là một bài học kinh nghiệm quý để chúng ta tránh vấp phải trong quá trình hội nhập, giao lưu văn hoá với thế giới ở Việt Nam hôm nay

<sup>21</sup> Phụ nữ Tân văn, số 14, ngày 1-8-1929.

<sup>22</sup> *Bài hát khuyên đàn bà*, Văn thơ Đông kinh nghĩa thực, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 119.